



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 152/QĐ-CDPTTHII ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II)

Tên ngành, nghề: **Tin học ứng dụng**
Mã ngành, nghề: **6480205**
Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Đối tượng tuyển sinh: - **Tốt nghiệp Trung học phổ thông**

- **Tốt nghiệp trình độ Trung cấp có giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Thời gian đào tạo: **2.5 năm (30 tháng)**

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo sinh viên trở thành kỹ sư thực hành ngành Tin học ứng dụng, có trình độ chuyên môn và kỹ năng thực hành chuyên nghiệp, có năng lực phát triển và khả năng tiếp cận kịp thời với sự phát triển của tin học nói chung và tin học truyền thông đa phương tiện nói riêng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức

Nắm vững một cách có hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, có trình độ anh văn cơ bản, anh văn chuyên ngành Tin học truyền thông đa phương tiện.

Giải thích được cơ chế vận hành của ứng dụng web; Giải thích được ngôn ngữ SQL trong lập trình; Phân loại được tính năng của các phần mềm ứng dụng;

Xác định được quy trình cài đặt phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng; Xác định các thành phần cơ bản về hệ thống máy tính; Xác định được quy mô, hiện trạng, phân loại được các mô hình mạng, thiết bị mạng của hệ thống mạng máy tính;

Giải thích sự hoạt động của các dịch vụ mạng cơ bản, nền tảng cho hệ thống mạng doanh nghiệp vừa và nhỏ;

Nhận biết được các nguy cơ mất an ninh, an toàn cho hệ thống;

Trình bày được kiến thức về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; Trình bày được cấu trúc tổng quan của một ứng dụng cơ sở dữ liệu; Trình bày được kiến thức về mỹ thuật 2D và 3D



Xác định được công cụ xử lý ảnh phù hợp để thiết kế quảng cáo; Xác định được các kiểu phông chữ, hiệu ứng chữ trong thiết kế đồ họa; Xác định các phương pháp xuất file theo mục đích sử dụng.

Trình bày được ý nghĩa các nhóm công cụ vẽ; các công cụ xử lý màu sắc;

Hiểu và trình bày được quy trình sản xuất chương trình phát thanh, quy trình sản xuất chương trình truyền hình; Nắm được nguyên lý cơ bản về diễn hoạt trong hoạt hình

1.2.2. Về kỹ năng

Sử dụng được hệ quản trị cơ sở dữ liệu; Lập trình được các module chức năng cho website; Thiết đặt được các thông số hosting hoạt động đúng tiêu chuẩn;

Đóng gói và triển khai được ứng dụng web;

Tư vấn được các giải pháp công nghệ và sản phẩm công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu khách hàng; Lựa chọn được các thiết bị mạng máy tính phù hợp với nhu cầu của hệ thống;

Kết nối các thiết bị thành hệ thống mạng nội bộ, mạng internet; Thiết lập các thông số mạng máy tính cơ bản;

Thiết lập cấu hình cho các dịch vụ mạng theo yêu cầu thực tế của cơ quan, doanh nghiệp vừa và nhỏ;

Duy trì, giám sát hoạt động của hệ thống mạng; Thực hiện các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh lao động, xử lý được các tình huống sơ cứu người bị nạn tại; Cài đặt được cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu;

Kiểm tra an toàn dữ liệu, đảm bảo không hư hỏng, mất mát dữ liệu; Thiết kế được giao diện ứng dụng web;

Xử lý được hình ảnh có hiệu ứng, chất lượng phù hợp; Lựa chọn được công cụ đồ họa phù hợp tùy vào thể loại thiết kế;

Cài đặt, sử dụng được công cụ xử lý ảnh để thực hiện thiết kế theo yêu cầu;

Sử dụng được công cụ xử lý ảnh, chuyển đổi giữa các kiểu Raster và Vector;

Thực hiện được thao tác với các vùng chọn trên công cụ đồ họa; Thực hiện được thao tác với các công cụ vẽ đối tượng; Thực hiện được thao tác với các hình ảnh trên các độ phân giải khác nhau; Thực hiện các chế bản điện tử, xuất bản và in ấn sản phẩm;

Thiết kế, hoàn thiện được các sản phẩm đồ họa như: Thiết kế quảng cáo trên biển bảng quảng cáo, trên website hoặc mạng xã hội, trên truyền hình, trang bìa sách, dàn trang, trình bày nội dung sách, báo, tạp chí, tranh cổ động;

Khai thác sử dụng các phần mềm biên tập âm thanh, hình ảnh trong công tác sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình; Khai thác, sử dụng và vận hành các thiết bị quay phim, chụp hình;

Kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết vấn đề; Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm;

1.2.3. Về thái độ

Có lòng yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện, bối cảnh làm việc thay đổi;

Cập nhật được kiến thức, thực hiện sáng tạo trong công việc;

Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành ngành *Tin học ứng dụng*, sinh viên có khả năng làm việc ở các vị trí sau:

- Dịch vụ khách hàng trong lĩnh vực đồ họa, công ty phần mềm, công ty lắp ráp và phân phối thiết bị tin học;
- Thiết kế sản phẩm đồ họa truyền thông đa phương tiện
- Thiết kế sản phẩm, ấn phẩm quảng cáo và xuất bản;
- Biên tập, xử lý hình ảnh, video, âm thanh;
- Thiết kế và quản trị website
- Tham gia quy trình sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tại các đài phát thanh truyền hình
- Quản trị mạng tại các công ty và xí nghiệp; giảng dạy tin học, v.v.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- | | |
|--|--------------------|
| - Số lượng môn học: | 42 môn học |
| - Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: | 115 tín chỉ |
| - Khối lượng các môn học chung: | 435 giờ |
| - Khối lượng các môn học chuyên môn: | 2.595 giờ |
| - Khối lượng lý thuyết: | 637 giờ |
| - Thực hành, thực tập, thí nghiệm: | 2.199 giờ |
| - Kiểm tra: | 194 giờ |
| - Thời gian khóa học: | 2.5 năm |

3. Nội dung chương trình:

Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	21	435	157	255	23
1090042	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
1090022	Pháp luật	2	30	18	10	2
1090025	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
1080001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
1110090	Tin học	3	75	15	58	2
1090044	Tiếng Anh 1	3	60	21	36	3
1090045	Tiếng Anh 2	3	60	21	36	3
II	Các môn học chuyên môn ngành, nghề	94	2595	480	1944	171
II.1	Môn học cơ sở ngành, nghề	24	555	165	344	46
1110138	Digital Marketing	2	45	15	26	4
1090046	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	15	26	4
1090047	Toán	3	60	30	26	4
1090048	Logic học đại cương	2	45	15	26	4
1090049	Toán rời rạc	2	45	15	26	4
1110044	Nhiếp ảnh	2	45	15	26	4
1110139	Nhập môn lập trình	2	45	15	26	4
1110140	Kỹ thuật lập trình	3	75	15	54	6
1110141	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	75	15	54	6
1110142	Cơ sở dữ liệu	3	75	15	54	6
II.2	Môn học chuyên môn ngành, nghề	70	2040	315	1600	125
1110143	Kịch bản phân cảnh bằng hình (Story board)	2	45	15	26	4
1110144	Tin học thiết kế đồ họa 1 (Photoshop)	3	75	15	54	6
1110145	Tin học thiết kế đồ họa 2 (Illustrator)	3	75	15	54	6
1110146	Nguyên lý thiết kế	2	45	15	26	4
1110147	Chế bản điện tử (Indesign)	2	45	15	26	4

Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1110148	Thiết kế truyền thông và quảng cáo	3	75	15	54	6
1110149	Kỹ thuật quay phim	2	45	15	26	4
1110150	Ứng dụng tin học trong phát thanh 1 (Phòng thu)	2	45	15	26	4
1110151	Ứng dụng tin học trong phát thanh 2 (Phần mềm Audition)	2	45	15	26	4
1110152	Ứng dụng tin học trong truyền hình 1 (Premiere)	3	75	15	54	6
1110153	Ứng dụng tin học trong truyền hình 2 (After Effects)	3	75	15	54	6
1110154	Kỹ thuật hoạt hình	2	45	15	26	4
1110155	Đồ họa 3D	3	75	15	54	6
1110156	Lắp ráp và cài đặt máy tính	3	75	15	54	6
1110157	Mạng máy tính	2	45	15	26	4
1110158	Quản trị mạng	3	75	15	54	6
1110159	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	45	15	26	4
1110160	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng	2	45	15	26	4
1110161	Thiết kế layout web	3	75	15	54	6
1110162	Lập trình web	3	75	15	54	6
1110163	Thương mại điện tử	3	75	15	54	6
1110104	Đồ án lập trình web	5	225	0	220	5
1110106	Kiến tập thực tế tại cơ sở	2	90	0	86	4
1110049	Thực tập tốt nghiệp tại trường	5	225	0	220	5
1110043	Thực tập tốt nghiệp tại cơ sở	5	225	0	220	5
Tổng cộng		115	3030	637	2199	194

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

- Môn Ngoại ngữ: Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 ban hành chương trình môn học Tiếng Anh;

- Môn Giáo dục chính trị: Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị;

- Môn Pháp luật: Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành chương trình môn học Pháp luật;

- Môn Giáo dục thể chất: Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất;

- Môn Tin học: Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành chương trình môn học Tin học;

- Môn Giáo dục quốc phòng và an ninh: Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa sẽ được công bố trước mỗi năm học căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Tổ chức kiểm tra hết môn học được xác định trong thời khóa biểu học tập hàng năm và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành cho người học theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác:

Mã số quản lý môn học được thống nhất trong chương trình đào tạo và trên phần mềm quản lý tín chỉ, được quy định như sau:

- Phòng Quản lý Đào tạo: 108;
- Khoa Kinh tế truyền thông: 109;
- Khoa Báo chí - Truyền thông: 110;
- Khoa Công nghệ truyền thông: 111. *nan*

